

Số: 3852 /BC-SYT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 5 năm 2022

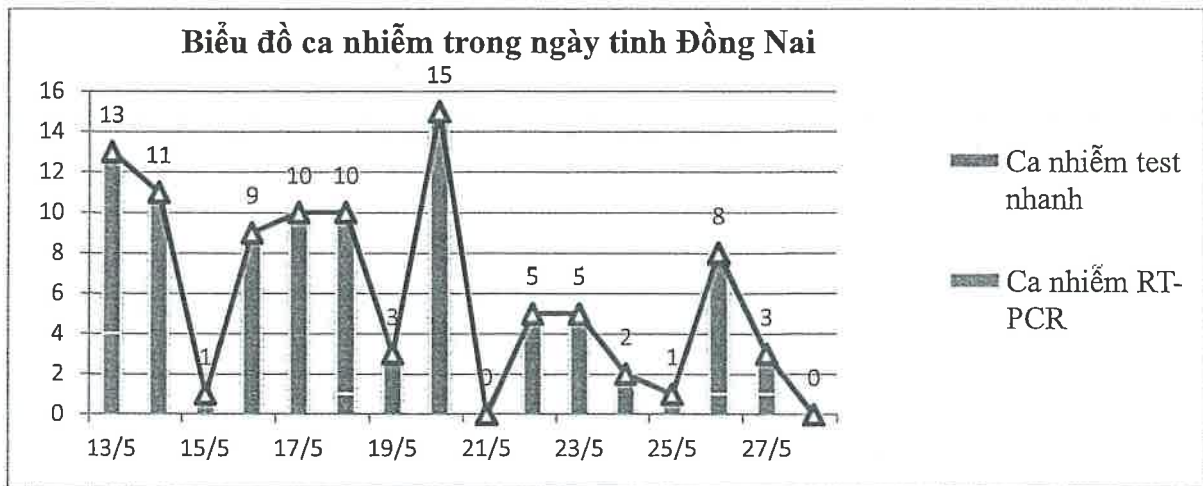
BÁO CÁO NGÀY

**Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 28/5/2022**

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

T T	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế		
		RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh	Tổng số ca bệnh
1	Biên Hòa	0	0	0	0	0	0	51.095	104.867	155.962
2	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	19.379	42.493	61.872
3	Định Quán	0	0	0	0	0	0	13.946	25.322	39.268
4	Long Khánh	0	0	0	0	0	0	9.695	24.830	34.525
5	Long Thành	0	0	0	0	0	0	4.090	23.022	27.112
6	Nhon Trạch	0	0	0	0	0	0	2.102	16.052	18.154
7	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	1.096	16.872	17.968
8	Thống Nhất	0	0	0	0	0	0	1.074	16.002	17.076
9	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	773	15.561	16.334
10	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0	0	1.346	14.157	15.503
11	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	1.682	13.601	15.283
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0	403
Tổng số		0	0	0	0	0	0	106.681	312.779	419.460

* Triển khai Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.

**Nhận xét:**

- Trong ngày không ghi nhận ca mắc COVID-19 mới.
- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.460 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. Công tác y tế**1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:**

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	00	00	44.104	44.104
Cách ly tại nhà	00	29	385.028	385.057
Theo dõi sức khỏe	00	00	51.981	51.981

Giải thể các cơ sở cách ly tập trung, duy trì các cơ sở thu dung người mắc COVID-19 tại các huyện, thành phố phục vụ người dân không đủ điều kiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị**2.1. Tình hình điều trị**

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	00	27	04	417.463	00	1.963	04
Tỉ lệ		0,01%		99,53%		0,47%	14,81%

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 04 ca (trong đó có 03 ca thở oxy qua mask, 01 ca thở HFNC)
- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 23 ca
- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm lũy kế: **0,47%**
- Số ca tử vong/100.000 dân/tuần: **0**
- Tỉ lệ tử vong/ tổng số ca điều trị/tuần: **0**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	4	320
Tầng 2	3.821	0	3.821
Tầng 1	5.544	0	5.544

Số ca bệnh chuyển nặng phải nhập viện hỗ trợ y tế đã giảm đáng kể.

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa	0	9	166.968	167.087
2	Long Khánh	0	4	13.949	13.953
3	Vĩnh Cửu	0	1	29.514	29.538
4	Định Quán	0	0	17.865	17.865
5	Tân Phú	0	2	16.042	16.053
6	Trảng Bom	0	0	13.860	13.862
7	Thống Nhất	0	0	16.432	16.439
8	Xuân Lộc	0	0	13.707	13.718
9	Cẩm Mỹ	0	2	15.451	15.454
10	Long Thành	0	5	34.853	34.858
11	Nhơn Trạch	0	0	42.492	42.493
	Tổng	0	23	381.133	381.320

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 26/5/2022)

- Được sự chấp thuận của UBND tỉnh tại văn bản số 4595/UBND-KGVX ngày 12/5/2022, Sở Y tế triển khai Kế hoạch số 3377/KH-SYT ngày 06/5/2022 của Sở Y tế về việc phân bổ sử dụng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh đợt 40.

- Trong ngày trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm 8.842 liều vắc xin phòng COVID-19. Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.589.871 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên**: **Mũi 1: 107,71%** ; **Mũi 2: 100,02%**; **Mũi 3: 51,53%**; **Mũi 4: 0,06%**.

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 64,92%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 97,01%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 49,33%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	37	00	2.325.000	317.907
RT-PCR mẫu đơn	31	02	2.147.303	282.870
RT-PCR mẫu gộp	06	00	383.886	35.212
Lượt người thực hiện PCR	48	02	3.973.997	282.870

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 00 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Duy trì hoạt động hiệu quả các Trạm Y tế lưu động tại địa phương và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày không ghi nhận ca mắc COVID-19 mới. Trên địa bàn tỉnh đang theo dõi 27 ca mắc COVID-19 bao gồm 04 ca theo dõi tại cơ sở y tế, trong đó có 03 ca thở oxy qua mask, 01 ca thở HFNC.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.457 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 107,71% ; Mũi 2: 100,02%; Mũi 3: 51,53%; Mũi 4: 0,06%.**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 64,92%
 - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 97,01%
 - + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 49,33%
 - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
 - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.
- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 21/5/2022: tỉnh Đồng Nai duy trì mức nguy cơ **Cấp độ 1 Bình thường mới**
- + Cấp huyện: tất cả 11/11 huyện, thành phố cấp độ 1;
 - + Cấp xã: tất cả 170/170 xã, phường cấp độ 1 .
- (Chi tiết tại Phụ lục 1)

b) Kiến nghị

- Các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 thần tốc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông thực hiện hiệu quả công thức 5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân. Đặc biệt chú trọng truyền thông về hiệu quả của việc tiêm vắc xin trong phòng chống dịch bệnh tăng sự đồng thuận của người dân.

- Triển khai Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai các hoạt động bảo vệ sức khỏe người dân giai đoạn hậu COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

Tổng cộng (tầng 2)	222	180	0	0	0	0	0	0	0	402	22	4653	0	0	0	0	0	0	0	230
TẦNG 1																				
TỔNG CỘNG (Tầng 1)	50	50	0	0	0	0	0	0	0	1533	20	19089	0	0	0	0	0	0	0	50
TỔNG TẦNG (3+2+1)	552	360	1	1	0	0	0	0	4	2270	1178	24309	1	0	0	3	0	0	0	290

Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 5 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 26/5/2022)

TT	Địa phương	Người từ 5 tuổi trở lên										
		Dân số từ 5 tuổi trở lên	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Mũi 4	Tỷ lệ mũi 4		
1	Biên Hòa	1.067.510	1.128.978	105,76%	1.081.527	101,31%	462.537	43,33%	10	0,00%		
2	Long Khánh	152.625	147.274	96,49%	137.783	90,28%	85.616	56,10%	0	0,00%		
3	Long Thành	232.742	258.965	111,27%	237.865	102,20%	134.081	57,61%	279	0,12%		
4	Nhơn Trạch	283.931	273.762	96,42%	223.036	78,55%	126.741	44,64%	0	0,00%		
5	Thống Nhất	157.127	159.408	101,45%	147.618	93,95%	70.111	44,62%		0,00%		
6	Trảng Bom	278.411	331.712	119,14%	292.938	105,22%	172.628	62,00%	14	0,01%		
7	Vĩnh Cửu	152.991	174.691	114,18%	161.794	105,75%	96.062	62,79%	0	0,00%		
8	Xuân Lộc	217.600	222.432	102,22%	210.092	96,55%	114.649	52,69%	520	0,24%		
9	Cám Mỹ	130.504	129.825	99,48%	122.797	94,09%	80.025	61,32%	142	0,11%		
10	Định Quán	170.648	170.521	99,93%	168.626	98,82%	97.816	57,32%	0	0,00%		
11	Tân Phú	146.636	154.926	105,65%	143.195	97,65%	67.972	46,35%	0	0,00%		
	Đồng Nai	2.926.808	3.152.494	107,71%	2.927.271	100,02%	1.508.238	51,53%	1.868	0,06%		

Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 26/5/2022)

TT	Địa phương	Người từ 12 đến 17 tuổi							Người từ 5 đến 11 tuổi						
		Dân số 12-17	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Dân số 5-11	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2
1	Biên Hòa	93.343	406	90.629	97,09%	86.846	93,04%	0	0,00%	105.514	2.568	51.528	48,84%	7.522	7,13%
2	Long Khánh	15.495	0	15.495	100,00%	15.205	98,13%	16	0,10%	16.359	4	7.661	46,83%	1.229	7,51%
3	Long Thành	27.269	14	27.370	100,37%	25.214	92,46%	0	0,00%	24.790	824	11.451	46,19%	3.780	15,25%
4	Nhơn Trạch	17.405	0	19.565	112,41%	16.941	97,33%	0	0,00%	22.771	0	10.442	45,86%	418	1,84%
5	Thống Nhất	14.905	0	15.759	105,73%	14.401	96,62%		0,00%	20.979	270	8.671	41,33%	2.736	13,04%
6	Trảng Bom	28.881	0	33.558	116,19%	33.743	116,83%	0	0,00%	28.821	1.284	18.924	65,66%	135	0,47%
7	Vĩnh Cửu	15.040	0	14.997	99,71%	14.574	96,90%	0	0,00%	16.802	0	9.483	56,44%	1.010	6,01%
8	Xuân Lộc	22.654	15	22.495	99,30%	21.783	96,16%	0	0,00%	28.901	525	10.701	37,03%	3.668	12,69%
9	Cẩm Mỹ	12.810	48	12.696	99,11%	12.137	94,75%		0,00%	15.417	15	6.932	44,96%	1.868	12,12%
10	Định Quán	20.291	0	20.272	99,91%	19.902	98,08%	0	0,00%	20.377	40	11.321	55,56%	3.976	19,51%
11	Tân Phú	17.908	202	17.188	95,98%	16.713	93,33%	0	0,00%	16.926	2.029	9.591	56,66%	2.225	13,15%
	Đồng Nai	286.001	685	290.024	101,41%	277.459	97,01%	16	0,01%	317.657	7.559	156.705	49,33%	28.567	8,99%